

MỘT SỐ NỘI DUNG CẦN LƯU Ý CỦA QUY CHẾ 43

Học phần và Tín chỉ (trích Điều 3)

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn trong một học kỳ.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp.

Thời gian đào tạo (trích Điều 6)

1. Khóa học có thời gian thiết kế là 5 năm để sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo trình độ đại học.

2. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình bao gồm: thời gian thiết kế cho chương trình quy định tại khoản 1 của Điều này, cộng với 6 học kỳ.

3. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

Nghỉ học tạm thời (trích Điều 15)

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tập tiếp, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất 4 tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới, kèm theo giấy xác nhận của chính quyền địa phương là không vi phạm pháp luật trong thời gian nghỉ tạm thời.

Đăng ký khối lượng học tập (trích Điều 10)

1. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó với phòng đào tạo của trường (Trừ các trường hợp học theo chương trình được phòng đào tạo xếp trước).

2. Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a) 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

b) 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.

c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.

3. Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của những sinh viên xếp hạng học lực bình thường.

4. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

Rút bớt học phần đã đăng ký (Điều 11)

Sinh viên phải tự viết đơn gửi phòng đào tạo của trường xin rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký.

Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký chỉ được chấp nhận trong thời hạn chưa vượt quá một phần ba thời gian theo kế hoạch học tập của học phần tính từ đầu học kỳ. Đối với học phần đã rút sinh viên vẫn phải đóng học phí. Ngoài thời hạn trên học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học, nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.

Sinh viên chỉ được phép nghỉ học đối với học phần xin rút bớt, sau khi giảng viên phụ trách nhận giấy báo của phòng đào tạo.

Đăng ký học lại (Điều 12)

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A, B, C hoặc D.

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần khác đối với các học phần bị điểm D để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

Nghỉ ốm (Điều 13)

Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép gửi trưởng khoa trong vòng một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường, hoặc y tế địa phương hoặc của bệnh viện.

Xếp hạng năm đào tạo và học lực (Điều 14)

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau (theo chương trình có tổng khối lượng 180TC):

a) Sinh viên năm thứ nhất:	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 34 tín chỉ;
b) Sinh viên năm thứ hai:	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 34 tín chỉ đến dưới 68 tín chỉ;
c) Sinh viên năm thứ ba:	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 68 tín chỉ đến dưới 102 tín chỉ;
d) Sinh viên năm thứ tư:	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 102 tín chỉ đến dưới 136 tín chỉ;
e) Sinh viên năm thứ năm:	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 136 tín chỉ trở lên;

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

a) Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.

b) Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

Bị buộc thôi học (Điều 16)

1. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học; đạt dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo hoặc đạt dưới 1,10 đối với 2 học kỳ liên tiếp;

b) Có điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất; dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai; dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khóa;

c) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường;

d) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

2. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, trường phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường sinh viên đã học hoặc tại những trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 của Điều này, được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở các chương trình mới này. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

Đánh giá học phần (Điều 19)

Điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính như sau:

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành:

$$\text{Điểm học phần} = 0,4 \cdot \text{ĐQT} + 0,6 \cdot \text{ĐKT}$$

Trong đó:

ĐQT- điểm đánh giá quá trình học tập, tùy theo tính chất của học phần được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận.

ĐKT- điểm thi kết thúc học phần

Việc lựa chọn hình thức đánh giá điểm quá trình học tập do bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

2. Đối với các học phần đồ án môn học:

$$\text{Điểm học phần} = k_1 \cdot \text{ĐQT} + k_2 \cdot \text{ĐKT}$$

với $k_1 = (0,4 \div 0,5)$ và $k_2 = (1 - k_1)$ giá trị cụ thể do bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

ĐQT: Điểm trung bình cộng của các giảng viên hướng dẫn.

ĐKT: Điểm trung bình cộng của các giảng viên chấm đồ án.

3. Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung

bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ là điểm của học phần thực hành.

4. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần (trích Điều 20)

Khi học phần kết thúc, trường tổ chức một kỳ thi để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ (nếu có) do Hiệu trưởng quyết định và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

Số lần được dự thi kết thúc học phần (trích Điều 21)

Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những sinh viên này khi được trường khoa cho phép được dự thi một lần ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có).

Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được trường khoa cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có), điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu. Trường hợp không có kỳ thi phụ hoặc thi không đạt trong kỳ thi phụ những sinh viên này sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau hoặc học kỳ phụ.

Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần và điểm trung bình chung (trích Điều 22 và Điều 23)

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến không phẩy năm.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

Loại	Điểm học phần			
	Thang 10	Điểm chữ	Thang 4	
Đạt	8,5 - 10	A	4	Giỏi
	7,0 - 8,4	B	3	Khá
	5,5 - 6,9	C	2	Trung bình
	4,0 - 5,4	D	1	Trung bình yếu
Không đạt	dưới 4,0	F	0	Kém

Việc xếp loại ở mức điểm F còn áp dụng cho trường hợp sinh viên bỏ học hoặc vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

3. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân (**thang điểm 4**):

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

Đồ án tốt nghiệp (trích Điều 24 và Điều 25)

Điều kiện để sinh viên được nhận đồ án tốt nghiệp: Sinh viên chỉ được nhận đồ án tốt nghiệp khi đã tích lũy đủ khối lượng kiến thức yêu cầu (không kể các môn học được cấp chứng chỉ). Riêng năm học 2010-2011 cho phép tại thời điểm xét giao đồ án tốt nghiệp, sinh viên còn nợ tối đa 3 tín chỉ của những học phần không phải là điều kiện tiên quyết của đồ án tốt nghiệp.

Điểm đồ án tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

Sinh viên có đồ án tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại đồ án tốt nghiệp.

Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp (Điều 27)

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được trường xét và công nhận tốt nghiệp:

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- b) Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo;
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học đạt từ 2,00 trở lên;
- d) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính do Hiệu trưởng quy định;
- đ) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.

Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo (trích Điều 28)

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo chính. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

- a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- a) Có khối lượng của các học phần phải học lại (thi lại) vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;
- b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Sinh viên còn nợ chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

4. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua

các chương trình khác theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này.

Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra (Điều 29)

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, đồ án môn học, thí nghiệm thực hành, tham quan, thực tập, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, làm đồ án tốt nghiệp..., nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm quy định đóng học phí (Điều 32)

Sinh viên đóng học phí muộn hơn 4 tuần so với thời hạn quy định của trường sẽ bị đình chỉ học tập ở học kỳ hiện tại và vẫn phải hoàn thành nghĩa vụ học phí để được tiếp nhận trở lại trong học kỳ tiếp theo. Nếu vi phạm quy định đóng học phí lần thứ hai sẽ bị buộc thôi học.

Xử lý kỷ luật đối với sinh viên tự ý bỏ học (Điều 33)

Sinh viên không đăng ký học tập, nếu không có lý do chính đáng sẽ được xem là tự ý bỏ học và bị đình chỉ học tập ở học kỳ chính tiếp theo. Những sinh viên này muốn quay trở lại học phải làm đơn gửi Hiệu trưởng xin tiếp nhận trở lại, thủ tục xin học lại như quy định tại điều 15 của Quy chế này. Sau 2 học kỳ chính tính từ khi hết học kỳ bị đình chỉ nếu sinh viên không có đơn xin tiếp nhận trở lại sẽ bị xóa tên khỏi danh sách.

Điều khoản thi hành (Điều 34)

Quy chế này được áp dụng tại trường Đại học Xây dựng từ năm học 2010-2011 cho các khóa đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và vận dụng thích hợp cho các khóa đào tạo bằng hai, liên thông và các trường hợp khác.

Việc điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của quy chế do Hiệu trưởng quyết định.
